

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
Số: 1330/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Bình Định, ngày 24 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**  
**Công trình: Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Bù Nủ đi T4, T5.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 173/TTr-STC ngày 20/4/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên công trình: Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Bù Nủ đi T4, T5
- Địa điểm: Xã Bok Tới, huyện Hoài Ân.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân;
- Đại diện CĐT: Ban QLDA Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân.
- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư : Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 29/4/2021 đến ngày 02/12/2022.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

**1. Chi phí đầu tư**

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>		<b>29.688.864.000</b>	<b>29.036.186.000</b>
<b>1</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>26.601.584.000</b>	<b>26.695.800.000</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>569.366.000</b>	<b>569.365.000</b>

<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư XD</b>	<b>1.632.978.000</b>	<b>1.619.294.000</b>
	<i>Chi khảo sát địa hình bước TKCS; lập BC nghiên cứu khả thi</i>	444.453.000	443.087.000
	<i>Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC; Chi phí thiết kế bản vẽ thi công</i>	376.153.000	376.151.000
	<i>Chi lập HSMT, đánh giá HSDT XL</i>	57.977.000	57.976.000
	<i>Chi phí giám sát thi công xây dựng</i>	677.413.000	665.100.000
	<i>Chi lập HSMT, đánh giá HSDT chi phí giám sát</i>	5.527.000	5.527.000
	<i>Chi thẩm tra TKBVTC-DT</i>	71.455.000	71.453.000
<b>4</b>	<b>Chi khác</b>	<b>476.861.000</b>	<b>151.727.000</b>
	<i>Chi Bảo hiểm xây dựng công trình</i>	64.728.000	64.726.000
	<i>Chi thẩm định Dự án đầu tư</i>	2.490.000	0
	<i>Chi thẩm định TKBVTC - Dự toán</i>	24.851.000	0
	<i>Chi thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	96.128.000	61.885.000
	<i>Chi thẩm định HS MT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp</i>	23.116.000	23.116.000
	<i>Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu</i>	9.124.000	0
	<i>Chi Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị nhà thầu XL</i>	4.623.000	0
	<i>Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu</i>	600.000	0
	<i>Chi thẩm định HS MT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát</i>	2.000.000	2.000.000
	<i>Chi phí đảm bảo an toàn giao thông</i>	104.676.000	0
	<i>Chi phí hạ tầng trạm trộn</i>	144.525.000	0
<b>5</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>408.075.000</b>	<b>0</b>

## 2. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Tổng Dự toán của DA được duyet	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
<b>Tổng số</b>	<b>29.688.864</b>	<b>29.036.186</b>	<b>28.974.301</b>	<b>61.885</b>	-
<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>29.688.864</b>	<b>29.036.186</b>	<b>28.974.301</b>	<b>61.885</b>	-
Vốn Ngân sách nhà nước	29.688.864	29.036.186	28.974.301	61.885	-

Vốn Ngân sách tỉnh		22.262.000		
Vốn NS huyện		6.712.301		

### 3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: không.

### 4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Giao đơn vị khác quản lý		Thuộc CĐT quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>29.036.186</b>	<b>29.036.186</b>
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			29.036.186	29.036.186
Tài sản ngắn hạn				

### 5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:** Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>29.036.186.000</b>	
Trong đó: Vốn đã thanh toán:	28.974.301.000	
Vốn Ngân sách tỉnh	22.262.000.000	
Vốn Ngân sách huyện	6.712.301.000	
+ Vốn còn phải thanh toán:	61.885.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập Báo cáo quyết toán (26/12/2022) là:

Tổng số phải thanh toán tiếp: 61.885.000đồng. Trong đó:

Chi quản lý dự án: 61.885.000 đồng.


**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng.


Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân	29.036.186.000

**Điều 4.** Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán

được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Tự Công Hoàng**